

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Phân môn Lịch sử

- Việt Nam sau cách mạng Tháng Tám
- Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1946-1954

2. Phân môn Địa lí

- Vùng Bắc Trung Bộ
- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ
- Vùng Tây Nguyên

II. BÀI TẬP

PHẦN ĐỊA LÍ

BÀI 13: BẮC TRUNG BỘ

Câu 1: Trong tổng diện tích đất có rừng của vùng Bắc Trung Bộ, loại rừng nào sau đây có diện tích lớn nhất?

- A. Sản xuất. B. Phòng hộ. C. Ngập mặn. D. Đặc dụng.

Câu 2: Tài nguyên khoáng sản có giá trị lớn nhất trong vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Crôm, thiếc, sắt, đá vôi xi măng, đá quý. B. Crôm, thiếc, đá vôi, đồng.
C. Đá vôi, thiếc, apatit, kẽm. D. Dầu khí, than, đá vôi.

Câu 3: Năm 2021, số dân Bắc Trung Bộ khoảng bao nhiêu triệu dân?

- A. 10 triệu người. B. 11 triệu người. C. 12 triệu người. D. 11,2 triệu người.

Câu 4: Tỉnh thành có số dân cao nhất vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Thanh Hóa. B. Quảng Bình. C. Vinh. D. Nghệ An.

Câu 5: Bắc Trung Bộ có sự chuyển dịch theo hướng

- A. công nghệ số. B. công nghệ cách mạng.
C. bền vững. D. công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 6: Đặc điểm giao thông vận tải của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Đẩy mạnh phát triển các trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển.
B. Hình thành các cảng biển liên vùng, quốc tế.
C. Phát triển nghề cá xa bờ.
D. Hình thành các trung tâm nghề cá và dịch vụ hậu cần nghề cá.

Câu 7: Loại thiên tai nào **không** thường xuyên xảy ra ở Bắc Trung Bộ?

- A. Hạn hán. B. Bão. C. Động đất. D. Lũ quét.

Câu 8: Đâu **không** phải là đặc điểm của khí hậu vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa.
B. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.
C. Đầu mùa hạ chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam gây ra thời tiết khô nóng.
D. Lượng mưa tập trung vào cuối mùa hạ.

Câu 9: Đâu **không** phải là đặc điểm nông nghiệp vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đầu tư theo chiều sâu, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất.
B. Dải đồng bằng ven biển trở thành những nơi sản xuất lúa chủ yếu.
C. Tập trung phát triển cây công nghiệp lâu năm.
D. Cây công nghiệp hàng năm như lạc, mía,... được trồng với diện tích khá lớn trên các vùng đất cát pha ven biển.

Câu 10: Đâu **không** phải là đặc điểm lâm nghiệp vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Diện tích đất có rừng cao hơn trung bình cả nước.
B. Hoạt động bảo vệ rừng chưa được tích cực triển khai.
C. Mở rộng mô hình nông lâm kết hợp, canh tác trên đất dốc.
D. Hoạt động khai thác, chế biến kết hợp với trồng và tu bổ rừng được chú trọng.

Câu 11: Một trong những khó khăn lớn nhất về tự nhiên ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân vùng Bắc Trung Bộ là

- A. cơ sở hạ tầng yếu kém. B. mật độ dân cư thấp.
C. tài nguyên thiên nhiên hạn chế. D. thường xuyên xảy ra thiên tai.

Câu 12: Lũ ở vùng Bắc Trung Bộ thường lên rất nhanh chủ yếu do

- A. nhiều con sông lớn, lượng mưa lớn quanh năm.
B. sông ngòi ngắn, dốc kết hợp mưa lớn tập trung.
C. vùng đồng bằng có địa hình thấp trũng, khó thoát nước.
D. sông ngòi có dạng lông chim nên nước ở các nhánh sông tập trung nhanh.

Câu 13: Vào mùa hạ gió phơn Tây Nam thổi mạnh ở vùng Bắc Trung Bộ là do

- A. ảnh hưởng của Biển Đông. B. ảnh hưởng của gió mùa.
C. bức chắn địa hình. D. ảnh hưởng của gió mùa và bức chắn địa hình.

Câu 14: Đâu **không** phải đặc điểm du lịch vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Chỉ tập trung phát triển du lịch thu hút khách nội địa.
B. Du lịch phát triển nhờ vị trí thuận lợi và nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn, đặc sắc.
C. Các tài nguyên du lịch tự nhiên có giá trị nổi bật như hệ thống hang động, bãi biển đẹp, các khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia,...
D. Phát triển nhanh chóng cho sự phát triển kinh tế, mở rộng giao lưu, hợp tác với các vùng trong nước và quốc tế.

Câu 15: Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp của Bắc Trung Bộ là

- A. bão, lũ lụt, hạn hán. B. gió Lào khô nóng, bão cát.
C. xâm nhập mặn, ngập úng. D. sóng lừng, sạt lở bờ biển.

Câu 16: Quan sát bảng sau:

Cơ cấu và tốc độ tăng trưởng GRDP của Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2015 – 2021 (Đơn vị: %)

Năm	2015	2021
Cơ cấu GRDP (giá hiện hành)	100	100
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	22,5	18,5
Công nghiệp và xây dựng	28,5	37,7
Dịch vụ	43,0	37,4
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	6,0	6,4
Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh)	4,0	10,0

(Nguồn: Cục Thống kê các tỉnh Bắc Trung Bộ, năm 2016 và 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu và tốc độ tăng trưởng GRDP của Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2015 - 2021?

- A. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ tăng trong cơ cấu GRDP.
B. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ giảm trong cơ cấu GRDP.
C. Tỷ trọng các ngành không thay đổi trong cơ cấu GRDP.
D. Tỷ trọng ngành dịch vụ tăng trong cơ cấu GRDP.

Câu 17: Biện pháp quan trọng nhất để phòng chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ là

- A. bảo vệ, phát triển rừng. B. xây dựng các hồ thủy lợi.
C. xây dựng đê, kè chắn sóng. D. di dân đến các vùng khác.

Câu 18: Ý nghĩa quan trọng nhất của đường Hồ Chí Minh đối với vùng Bắc Trung Bộ là

- A. tạo thế mở hơn nữa để tiếp tục thu hút đầu tư.
B. thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía tây.
D. tạo thế liên hoàn trong cơ cấu kinh tế theo không gian.

Câu 19: Tại sao các nhà máy thủy điện ở Bắc Trung Bộ chủ yếu có công suất nhỏ?

- A. Các sông suối luôn ít nước quanh năm.
B. Phần lớn sông ngắn, trữ năng thủy điện ít.
C. Thiếu vốn để xây dựng các nhà máy thủy điện quy mô lớn.

D. Nhu cầu tiêu thụ điện trong sản xuất và sinh hoạt chưa cao.

Câu 20: Di sản văn hóa thế giới ở Bắc Trung Bộ được UNESCO công nhận là

- A. Phong Nha - Kẻ Bàng. B. Di tích Mỹ Sơn.
C. Cố đô Huế. D. Phố cổ Hội An.

BÀI 14: THỰC HÀNH TÌM HIỂU VẤN ĐỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Câu 1: Việc trồng rừng ven biển và rừng ngập mặn ở Bắc Trung Bộ **không** có tác dụng?

- A. chắn gió, chắn bão. B. hạn chế tác hại của lũ đầu nguồn.
C. ngăn không cho cát bay, cát chảy. D. chắn sóng, nuôi trồng thủy sản.

Câu 2: Biện pháp quan trọng nhất để phòng chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ là

- A. bảo vệ, phát triển rừng. B. xây dựng các hồ thủy lợi.
C. xây dựng đê, kè chắn sóng. D. di dân đến các vùng khác.

Câu 3: Mục đích chủ yếu của việc phát triển rừng thượng nguồn các con sông ở Bắc Trung Bộ là

- A. cung cấp gỗ, bảo vệ bờ biển, chống lở đất.
B. bảo vệ động vật, chống bão, nạn cát bay.
C. chống nhiễm mặn, nạn cát chảy, hạn hán.
D. giữ đất, hạn chế lũ quét, chống xói mòn.

Câu 4: Để chắn gió, chắn cát bay ven biển, cần đẩy mạnh

- A. trồng rừng nước mặn. B. trồng rừng đặc dụng.
C. trồng rừng phòng hộ. D. trồng rừng sản xuất.

Câu 5: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có tác dụng chính là

- A. điều hòa nguồn nước. B. hạn chế tác hại của lũ.
C. chống xói mòn, rửa trôi. D. hạn chế sự di chuyển của cồn cát.

BÀI 15: DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Câu 1: Đặc điểm lãnh thổ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. rộng lớn, có dạng bậc thang. B. tam giác.
C. kéo dài, hẹp ngang. D. trải dài từ đông sang tây.

Câu 2: Hai tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có lượng mưa thấp nhất Việt Nam là?

- A. Ninh Thuận, Quảng Nam. B. Ninh Thuận, Bình Thuận.
C. Bình Định, Quảng Ngãi. D. Phú Yên, Bình Thuận.

Câu 3: Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có diện tích là

- A. 12 nghìn/km². B. 28,0 nghìn/km². C. 21 nghìn/km². D. 34,7 nghìn/km².

Câu 4: Tính đến năm 2004, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung gồm có bao nhiêu tỉnh, thành phố?

- A. 5. B. 2. C. 4. D. 7.

Câu 5: Tỉnh duy nhất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vừa có đường biên giới vừa có đường bờ biển là

- A. Khánh Hòa. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Bình Thuận.

Câu 6: Duyên hải Nam Trung Bộ **không** tiếp giáp với vùng kinh tế nào?

- A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Tây Nguyên. D. ĐB sông Cửu Long.

Câu 7: Đâu **không** phải là hạn chế về điều kiện tự nhiên của Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Biến đổi khí hậu làm gia tăng các thiên tai như hạn hán và sa mạc hóa.
B. Đa dạng sinh học cao với nhiều vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển thế giới.
C. Biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của người dân.
D. Đất dễ bị rửa trôi, ít thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

Câu 8: Đâu **không** phải là đặc điểm dân cư vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Mật độ dân số trung bình.
B. Phân bố dân cư, dân tộc có sự phân hóa theo không gian và đan xen giữa các dân tộc.
C. Người Kinh và người Chăm sinh sống chủ yếu tại phía tây vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Vùng đồng bằng phía đông dân cư tập trung đông đúc.

Câu 9: Về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã có những chuyển biến phát triển kinh tế như thế nào?

- A. Chú trọng nông nghiệp sinh thái, phát triển hạ tầng và dịch vụ nghề cá, gắn với công nghiệp chế biến.
- B. Đẩy mạnh công nghiệp lọc, hóa dầu.
- C. Phát triển mạnh du lịch.
- D. Phát triển viễn thông quốc tế.

Câu 10: Điều **không** phải là sự chuyển biến phát triển kinh tế về dịch vụ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phát triển mạnh du lịch biển.
- B. Phát triển dịch vụ cảng biển, viễn thông.
- C. Phát triển hạ tầng và dịch vụ nghề cá.
- D. Phát triển viễn thông quốc tế, tài chính ngân hàng.

Câu 11: Điều **không** phải thế mạnh nổi trội để phát triển tổng hợp kinh tế biển, đảo vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Giao thông vận tải biển.
- B. Công nghiệp chế biến thực phẩm.
- C. Du lịch biển.
- D. Khai thác khoáng sản.

Câu 12: Các tỉnh có sản lượng hải sản khai thác lớn của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Định, Bình Thuận.
- B. Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Thuận, Ninh Thuận.
- C. Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Bình Thuận.
- D. Quảng Nam, Bình Định, Bình Thuận, Ninh Thuận.

Câu 13: Về khí hậu, vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ khác với vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Mưa vào thu - đông.
- B. Mưa vào mùa đông.
- C. Mưa vào mùa hè - thu.
- D. Mưa vào đầu hạ.

Câu 14: Trung tâm du lịch quan trọng nhất của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Nha Trang.
- B. Phan Thiết.
- C. Đà Nẵng.
- D. Quảng Ngãi.

Câu 15: Quan sát bảng sau:

Cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành) của Duyên hải Nam Trung Bộ, giai đoạn 2010 – 2021
(Đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2021
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	21,3	19,8	19,1
Công nghiệp và xây dựng	23,7	26,6	30,5
Dịch vụ	43,2	42,2	39,8
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	11,8	11,4	10,6

(Nguồn: Cục thống kê các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, năm 2011, 2016 và 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu ngành kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Giảm tỉ trọng các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- B. Giảm tỉ trọng ngành công nghiệp xây dựng.
- C. Giảm tỉ trọng ngành dịch vụ.
- D. Tăng tỉ trọng các ngành nông nghiệp, dịch vụ.

Câu 16: Trong nghề cá, Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn vùng Bắc Trung Bộ là do

- A. Có các ngư trường rộng, đặc biệt là hai ngư trường xa bờ.
- B. Tất cả các tỉnh đều giáp biển.
- C. Bờ biển có các vũng, vịnh, đầm phá.
- D. Có các dòng biển gần bờ.

Câu 17: Di sản văn hóa thế giới Phố cổ Hội An và Di tích Thánh địa Mỹ Sơn thuộc tỉnh

- A. Quảng Nam.
- B. Quảng Ngãi.
- C. Quảng Ninh.
- D. Quảng Bình.

Câu 18: Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt thuộc các tỉnh, thành phố nào của nước ta?

- A. Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi.
- B. Tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng.
- C. Tỉnh Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng.
- D. Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

BÀI 16: THỰC HÀNH PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA HẠN HÁN VÀ SA MẠC HÓA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VÙNG KHÔ HẠN NINH THUẬN - BÌNH THUẬN

Câu 1: Thế nào là sa mạc hóa?

- A. Sự suy thoái đất đai tại các vùng khô hạn, bán khô hạn, vùng ẩm nửa khô hạn, do các nguyên nhân khác nhau gây ra.
- B. Thiếu nước nghiêm trọng xảy ra trong thời gian dài do không có mưa và cạn kiệt nguồn nước.
- C. Hiện tượng một luồng không khí xoáy tròn mở rộng ra từ một đám mây dông xuống tới mặt đất.
- D. Hiện tượng mưa dưới dạng hạt hoặc cục băng có hình dáng và kích thước khác nhau do đối lưu cực mạnh từ các đám mây dông gây ra.

Câu 2: Ý nào dưới đây **không** phải là ảnh hưởng của hạn hán tới xã hội vùng Ninh Thuận - Bình Thuận?

- A. Thiếu nước sinh hoạt.
- B. Sức khỏe giảm sút, dịch bệnh xuất hiện.
- C. Thiếu nước sản xuất.
- D. Đói nghèo, thiếu lương thực vì năng suất sản xuất thấp.

Câu 3: Ý nào dưới đây **không** phải là ảnh hưởng của hạn hán tới kinh tế của vùng Ninh Thuận - Bình Thuận?

- A. Thiếu nước sản xuất.
- B. Phát sinh các vấn đề xã hội về sử dụng nước.
- C. Phát sinh sâu bệnh.
- D. Tăng chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu.

Câu 4: Ý nào dưới đây **không** phải là ảnh hưởng của sa mạc hóa tới xã hội của vùng Ninh Thuận - Bình Thuận?

- A. Suy thoái nguồn nước mặt và nước ngầm gây cạn kiệt nước sinh hoạt.
- B. Phá hủy môi trường sinh kế của người dân, dẫn đến di cư tự phát.
- C. Môi trường thủy sinh bị thu hẹp.
- D. Xuất hiện dịch bệnh và thiếu lương thực.

Câu 5: Ý nào dưới đây **không** phải là ảnh hưởng của sa mạc hóa tới kinh tế của vùng Ninh Thuận - Bình Thuận?

- A. Nâng cao các công trình, cơ sở hạ tầng.
- B. Thiếu nước sản xuất.
- C. Đất bị thoái hóa làm giảm diện tích canh tác nông nghiệp.
- D. Hư hỏng các công trình, cơ sở hạ tầng.

Câu 6: Hạn hán đã gây ảnh hưởng như thế nào tới xã hội vùng Ninh Thuận - Bình Thuận?

- A. Suy thoái nguồn nước mặt và nước ngầm gây cạn kiệt nước sinh hoạt.
- B. Đói nghèo, thiếu lương thực vì năng suất sản xuất thấp.
- C. Hiện tượng cát bay tàn phá cây trồng, vật nuôi.
- D. Hư hỏng các công trình, cơ sở hạ tầng.

Câu 7: Hạn hán đã gây ảnh hưởng như thế nào tới kinh tế vùng Ninh Thuận - Bình Thuận?

- A. Giảm chi phí làm mát các nhà xưởng.
- B. Phát sinh các vấn đề xã hội về sử dụng nước.
- C. Tăng nguy cơ cháy rừng.
- D. Thiếu nước sinh hoạt.

Câu 8: Sa mạc hóa đã gây ảnh hưởng như thế nào tới xã hội vùng Ninh Thuận - Bình Thuận?

- A. Tăng chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu.

- B. Môi trường thủy sinh bị thu hẹp.
- C. Phá hủy môi trường sinh kế của người dân, dẫn đến di cư tự phát.
- D. Giảm năng suất thủy điện, thiếu hụt năng lượng.

Câu 9: Sa mạc hóa đã gây ảnh hưởng như thế nào tới kinh tế vùng Ninh Thuận - Bình Thuận?

- A. Suy thoái nguồn nước mặt và nước ngầm.
- B. Tăng chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu.
- C. Tăng chi phí làm mát các nhà xưởng.
- D. Đất bị thoái hóa làm giảm diện tích canh tác nông nghiệp.

Câu 10: Về lâu dài, giải pháp bền vững để ứng phó sa mạc hóa ở Ninh Thuận - Bình Thuận là?

- A. Đầu tư hạ tầng thủy lợi.
- B. Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng.
- C. Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- D. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

BÀI 17: VÙNG TÂY NGUYÊN

Câu 1: Tính đến năm 2021, tỉ lệ người biết chữ người dân Tây Nguyên đạt

- A. 90%.
- B. 91,8%.
- C. 34,5%.
- D. 76%.

Câu 2: Loại cây công nghiệp nào ở vùng Tây Nguyên đứng đầu cả nước về diện tích, sản lượng?

- A. Hồ tiêu.
- B. Điều.
- C. Cao su.
- D. Cà phê.

Câu 3: Chè được trồng chủ yếu ở hai cao nguyên

- A. Lâm Đồng và Gia Lai.
- B. Đắk Nông và Lâm Đồng.
- C. Đắk Lắk và Đắk Nông.
- D. Gia Lai và Kon Tum.

Câu 4: Cao su được trồng nhiều ở các tỉnh

- A. Đắk Lắk và Đắk Nông
- B. Gia Lai và Đắk Lắk.
- C. Lâm Đồng và Gia Lai
- D. Gia Lai và Kon Tum

Câu 5: Vùng Tây Nguyên chú trọng gắn khai thác với

- A. cây công nghiệp lâu năm.
- B. chế biến gỗ.
- C. bảo vệ rừng.
- D. nuôi trồng thủy sản.

Câu 6: Tỉnh nào ở Tây Nguyên có sản lượng gỗ khai thác lớn nhất?

- A. Lâm Đồng.
- B. Gia Lai.
- C. Đắk Lắk.
- D. Kon Tum.

Câu 7: Tỉnh nào ở Tây Nguyên có diện tích rừng trồng mới lớn nhất?

- A. Lâm Đồng.
- B. Gia Lai.
- C. Đắk Lắk.
- D. Kon Tum.

Câu 8: Tây Nguyên có trữ năng thủy điện lớn thứ mấy cả nước?

- A. thứ tư.
- B. thứ ba.
- C. thứ hai.
- D. thứ nhất.

Câu 9: Đâu **không** phải là đặc điểm về khí hậu vùng Tây Nguyên?

- A. Có hai mùa là mùa mưa và mùa khô.
- B. Tính chất cận xích đạo, có mùa hè và mùa đông.
- C. Mùa mưa có lượng mưa lớn, mùa khô ít mưa và kéo dài.
- D. Một số cao nguyên cao trên 1 000m.

Câu 10: Hệ thống sông chính của vùng Tây Nguyên là

- A. Sê San, sông Mã, sông Cả.
- B. Sông Đồng Nai, sông Cả, sông Mã.
- C. Sông Mê Công, Sê San, Srêpôk.
- D. Sê San, Srêpôk, sông Đồng Nai.

Câu 11: Bô-xít là khoáng sản quan trọng nhất của vùng, được phân bố chủ yếu ở

- A. Lâm Đồng, Đắk Nông, Gia Lai.
- B. Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum.
- C. Gia Lai, Kon Tum, Pleiku.
- D. Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum.

Câu 12: Đâu **không** phải là đặc điểm về dân cư vùng Tây Nguyên?

- A. Dân cư đông đúc do nhập cư từ các vùng khác.
- B. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao.
- C. Mật độ dân số thấp.
- D. Tỉ lệ dân thành thị thấp hơn tỉ lệ dân nông thôn.

Câu 13: Đất badan thích hợp nhất với các loại cây

- A. cà phê, cao su, hồ tiêu.
- B. cà phê, bông, mía.

C. cao su, dừa, bông. D. điều, đậu tương, lạc.

Câu 14: Ý nào sau đây **không** đúng về đặc điểm dân cư của Tây Nguyên?

- A. Là vùng thưa dân nhất cả nước.
- B. Dân cư phân bố không đều.
- C. Dân tộc Kinh phần lớn sinh sống ở các đô thị.
- D. Dân tộc ít người như Tày, Thái, Mường sinh sống chủ yếu.

Câu 15: Khó khăn lớn nhất về khí hậu đối với sản xuất và đời sống ở Tây Nguyên là

- A. Có những hiện tượng thời tiết thất thường.
- B. Nắng nhiều, mưa nhiều làm cho đất bị rửa trôi.
- C. Mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ lụt.
- D. Mùa khô kéo dài dẫn đến thiếu nước nghiêm trọng.

Câu 16: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên trong sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên

- A. Khô hạn kéo dài.
- B. Đất đai thoái hóa.
- C. Khí hậu phân hóa.
- D. Đất badan màu mỡ.

Câu 17: Điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên

- A. Đất badan màu mỡ, khí hậu nhiệt đới cận xích đạo.
- B. Nguồn nước dồi dào, địa hình cao nguyên xếp tầng rộng lớn.
- C. Người dân có nhiều kinh nghiệm canh tác cây cà phê.
- D. Thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước rộng lớn.

Câu 18: Tây Nguyên có vị trí đặc biệt về mặt quốc phòng vì

- A. Có biên giới kéo dài với Lào và Cam-pu-chia.
- B. Có nhiều rừng núi.
- C. Giáp với vùng Duyên hải Nam trung Bộ.
- D. Rất gần với TP Hồ Chí Minh.

Câu 19: Tây Nguyên có nguồn thủy năng lớn là do có

- A. nhiều sông ngòi và sông có lưu lượng nước lớn.
- B. địa hình cao nguyên xếp tầng và nhiều sông lớn.
- C. lượng mưa dồi dào, mùa mưa phân hóa sâu sắc.
- D. địa hình núi cao đồ sộ và hiểm trở nhất cả nước.

Câu 20: Nông sản nổi tiếng ở Đà Lạt là

- A. cây ăn quả, cà phê.
- B. cà phê và chè.
- C. rau ôn đới và cây ăn quả.
- D. hoa và rau quả ôn đới.

PHẦN LỊCH SỬ

BÀI 13

Câu 1. Hậu quả nặng nề về mặt văn hóa do thực dân phong kiến để lại sau cách mạng 1945 ?

- A. Văn hóa truyền thống bị phá hủy
- B. Ảnh hưởng lối văn hóa phương Tây
- C. Hơn 90% dân số mù chữ, tệ nạn tràn lan
- D. Văn hóa vẫn mang tư tưởng phong kiến lạc hậu.

Câu 2. Khó khăn nào là nghiêm trọng nhất đối với đất nước sau Cách mạng tháng Tám-1945?

- A. Hơn 90% dân số mù chữ, ngân sách nhà nước trống rỗng
- B. Ngoại xâm và nội phản phá hoại
- B. Nạn đói đe dọa nghiêm trọng
- D. Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ.

Câu 3. Tình hình tài chính nước VN dân chủ Cộng hòa sau cách mạng Tháng Tám năm 1945 như thế nào?

- A. Tài chính bước đầu được xây dựng
- B. Ngân sách trống rỗng
- C. Phát hành tiền Việt Nam
- D. Ngân hàng Đông Dương ta chưa kiểm soát được

Câu 4. Ý nghĩa chính trị của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 và việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp?

- A. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho quần chúng cách mạng, nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa .
- B. Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước, giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.
- C. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

D. a và b đúng.

Câu 5. Để đẩy lùi nạn đói mang tính lâu dài, Hồ Chí Minh đã kêu gọi biện pháp ?

- A. Lập hũ gạo cứu đói
B. Tổ chức “Ngày đồng tâm”
C. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm
D. Kêu gọi nhường cơm sẻ áo

Câu 6. Để đẩy lùi nạn đói trước mắt, Hồ Chí Minh đã kêu gọi biện pháp nào ?

- A. Lập hũ gạo cứu đói
B. Thực hành tiết kiệm.
C. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.
D. Nhường cơm sẻ áo

Câu 7. Biện pháp nào trước mắt quan trọng nhất để chính quyền cách mạng kịp thời giải quyết khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám ?

- A. Xây dựng “Quỹ độc lập”
B. Chính phủ ký sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam (31/1/1946).
C. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước (23/11/1941).
D. Tiết kiệm chi tiêu.

Câu 8. Năm 1945 quân đội các nước trong phe Đồng Minh vào Việt Nam là?

- A. Anh, Mỹ
B. Pháp, Trung Hoa dân quốc
C. Anh, Trung Hoa dân quốc
D. Liên Xô, Trung Hoa dân quốc

Câu 9. Quân đội nước nào trong phe đồng minh tiến vào miền Bắc nước ta?

- A. Anh
B. Pháp
C. Trung Hoa dân quốc
D. Mỹ

Câu 10. Lý do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp, khi thì hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

- A. Tưởng dùng bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách để phá ta từ bên trong.
B. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ ,hậu thuẫn của quân Anh.
C. Chính quyền của ta còn non trẻ, không thể một lúc chống 2 kẻ thù.
D. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.

Câu 11. Trước ngày 6/3/1946 Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì ?

- A. Hoà với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ.
B. Hoà với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi Miền Bắc.
C. Hoà với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.
D. Tập trung lực lượng đánh cả Pháp lẫn Tưởng.

Câu 12. Sự kiện nào sau đây là nguyên nhân làm cho Đảng ta thay đổi chiến lược từ hoà hoãn với Tưởng để chống Pháp sang hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng ?

- A. Quốc hội khoá I (2/3/1946) nhường cho Tưởng một số ghế trong quốc hội.
B. Hiệp ước Hoa- Pháp (28/2/1946).
C. Hiệp định sơ bộ Việt- Pháp (6/3/1946).
D. Tạm ước Việt- Pháp (14/9/1946).

Câu 13. Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 có lợi thực tế cho ta ?

- A. Pháp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hoà là một quốc gia tự do.
B. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện ,quân đội và tài chính riêng nằm trong khối liên hiệp Pháp.
C. Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng.
D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 14. Sự kiện diễn ra năm 1946 đã củng cố nền móng cho chế độ mới ?

- a. Thành lập quân đội quốc gia
b. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp
c. Thành lập ủy ban hành chính các cấp
d. Tổng tuyển cử bầu quốc hội trong cả nước

Câu 15. Chủ trương của Đảng, chính phủ và chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc đối phó với quân Trung Hoa dân quốc là gì ?

- a. Quyết tâm đuổi Tưởng ngay từ đầu
b. Hòa với Tưởng để tập trung lực lượng đánh Pháp
c. Nhờ quân Anh đối phó với quân Tưởng
d. Đầu hàng quân Trung Hoa dân quốc

Câu 16. Ngày 8-9-1945 chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh gì ?

- a. Thành lập Nha bình dân học vụ
b. Thành lập Nha Cảnh sát
c. Thành lập quân đội quốc gia Việt Nam
d. Thành lập Hũ gạo cứu đói

Câu 17. Lực lượng nào tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta ?

- a. Đế quốc Mỹ b. Thực dân Anh c. Phát xít Nhật d. Quân Trung Hoa dân quốc

Câu 18. Mục đích của nước VN dân chủ Cộng hòa kí với Pháp bản Tạm ước ngày 14-9-1946 là

- a. Loại trừ 1 vạn quân Anh ra khỏi miền Nam nước ta
b. Tổ rõ thiện chí của ta và kéo dài thời gian để xây dựng lực lượng
c. Tạo không khí hòa dịu để tiếp tục đàm phán tại Phông-ten-nơ-blô
d. Đuổi 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc ra khỏi miền Nam Việt Nam

Bài 14

Câu 1: Trận đánh tiêu biểu nhất của Việt Nam trên đường số 4 trong chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 là:

- A. Thất Khê. B. Đông Khê. C. Đèo Bông Lau. D. Đoan Hùng.

Câu 2: Mục tiêu của ta khi tiến hành cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 cuối năm 1946 – đầu năm 1947 là:

- A. đập tan âm mưu chiếm đóng miền Bắc Việt Nam của Pháp.
B. tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.
C. bao vây, tiêu diệt quân chủ lực Pháp trong các đô thị, xoay chuyển tình thế theo hướng có lợi cho ta.
D. tạo ra những trận đánh vang dội, làm cơ sở để đẩy mạnh đấu tranh chính trị trên bàn đàm phán.

Câu 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng không được thể hiện văn kiện lịch sử nào dưới đây?

- A. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến. B. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi.
C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. D. Tác phẩm Vấn đề dân cày.

Câu 4: Âm mưu của Pháp trong cuộc tấn công quy mô lên Việt Bắc năm 1947 là gì?

- A. Mở rộng vùng chiếm đóng. B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
C. Giành lại thế chủ động trên chiến trường. D. Buộc Việt Nam ngồi vào bàn đàm phán Pa-ri.

Câu 5: Nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là:

- A. Liên Xô. B. Cu - ba. C. Trung Quốc. D. Lào.

Câu 6: Sau thất bại ở Việt Bắc thu – đông năm 1947, Pháp buộc phải chuyển từ “đánh nhanh sang thắng nhanh” sang:

- A. “đánh thần tốc”. B. “chắc thắng mới đánh”.
C. “đánh lâu dài”. D. “vừa đánh vừa đàm phán”.

Câu 7: Nội dung nào không phản ánh mục tiêu của Đảng khi mở chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

- A. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. B. Giâm chân địch ở vùng rừng núi.
C. Khai thông đường biên giới Việt-Trung. D. Mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 8: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào đêm:

- A. 18/12/1946. B. 19/12/1946. C. 20/12/1946. D. 21/12/1946.

Câu 9: Tín hiệu kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp nổ ra đầu tiên ở đâu?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Nam Bộ. D. Lạng Sơn.

Câu 10: Ngày 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra:

- A. Lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa. B. Quân lệnh số 1.
C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. D. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.

Câu 11: Để chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai Pháp – Mỹ thực hiện kế hoạch nào?

- A. Kế hoạch Rơ - ve. B. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhhi
C. Kế hoạch Na - va. D. Kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh”.

Câu 12: Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 diễn ra trong thời gian nào?

- A. Từ tháng 10 đến tháng 12 – 1949. B. Từ tháng 9 đến tháng 10 – 1949.
C. Từ tháng 9 đến tháng 10 – 1950. D. Từ tháng 10 đến tháng 11 – 1950.

Câu 13: Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương được kí kết bởi những nước nào?

A. Anh và Nhật. B. Mĩ và Nhật. C. Mĩ và Pháp. D. Anh và Pháp.

Câu 14: Mặt trận Liên Việt được thành lập trên cơ sở hợp nhất tổ chức nào?

- A. Hội Thanh niên Việt Nam và Mặt trận Liên Việt.
- B. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.
- C. Hội Quốc tế cộng sản và Mặt trận Việt Minh.
- D. Mặt trận Đông Dương và Mặt trận Cộng sản.

Câu 15: Tháng 2 – 1951 đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

- A. Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần I.
- B. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.
- C. Hội nghị đại biểu để thành lập Liên minh nhân Việt-Minh-Lào.
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 16: Đại hội nào dưới đây của Đảng được xem là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (3-1935).
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951).
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9-1960).
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976).

Câu 17: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2/1951) diễn ra ở đâu?

- A. Pác Bó (Cao Bằng).
- B. Hóc Môn (Gia Định).
- C. Hương Cảng (Trung Quốc).
- D. Chiêm Hóa (Tuyên Quang).

Câu 18: Kế hoạch Nava (1953) được đề ra với hi vọng sẽ giành thắng lợi quyết định trong bao lâu?

- A. 12 tháng.
- B. 16 tháng.
- C. 18 tháng.
- D. 20 tháng.

Câu 19: Phương hướng chiến lược của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là:

- A. đánh về đồng bằng, nơi Pháp tập trung binh lực để chiếm giữ.
- B. đánh vào các căn cứ của Pháp vùng rừng núi, nơi quân ta có thể phát huy ưu thế tác chiến.
- C. đánh vào những vị trí chiến lược mà địch tương đối yếu ở Việt Nam.
- D. đánh vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

Câu 20: Để thực hiện kế hoạch Nava, từ thu – đông 1953, Nava tập 44 tiểu đoàn cơ động ở:

- A. Đồng bằng Bắc Bộ.
- B. Tây Bắc.
- C. Thượng Lào.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 21: Chiến thắng quân sự nào của Việt Nam quyết định đến thắng lợi tại hội nghị Giơnevơ 1954?

- A. Việt Bắc thu - đông 1947.
- B. Biên giới thu - đông 1950.
- C. Điện Biên Phủ 1954.
- D. Đông xuân 1953-1954.

Câu 22: Các tướng lĩnh Pháp – Mĩ đã coi tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là:

- A. “một tập đoàn quân chủ lực”.
- B. “một pháo đài bất khả xâm phạm”.
- C. “một pháo đài bất khả chiến bại”.
- D. “một sở chỉ huy vùng tây bắc”.

Câu 23: Mĩ can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương (1945 – 1954) vì nguyên nhân gì?

- A. Muốn giúp Pháp hoàn thành xâm lược Đông Dương.
- B. Cả Pháp và Mĩ cùng trong phe tư bản chủ nghĩa.
- C. Muốn từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
- D. Muốn thúc đẩy tự do dân chủ ở khu vực Đông Dương.

BGH xác nhận

Nhóm trưởng (TTCM)

GVBM

Tạ Thúy Hà

Nguyễn Thị Kim Thanh

Đào Thị Lan Anh
Nguyễn Thị Thuần